TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/ DS-ST
Ngày: 12/4/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn.
2. Bà Lê Ngọc Như Chi.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST- DS ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Đức H, sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: 39 Đường số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: A12.06 Chung cư X, xã Z, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ thường trú: 275/1B Đường X, Phường Y, Quận Z, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/04/2022, ngày 14/6/2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh Đức H trình bày:

Qua bạn bè, ông Huỳnh Đức H quen biết ông Đặng Văn T và ông H có cho ông T vay 03 lần tiền, cụ thể như sau:

Ngày 25/12/2019 ông H cho ông T vay số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 25/12/2019, lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 25/12/2019, do ông T tự viết và ký tên, lăn tay. Ông H đã giao đủ số tiền vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng cho ông T, ngay sau khi ông T ký tên, lăn tay vào Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019.

Ngày 10/01/2020, ông T hỏi vay thêm ông H số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, ông H đồng ý cho ông T vay với thời hạn vay kể từ ngày 10/01/2020 đến ngày 26/6/2020, lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 10/01/2020, do ông T tự viết và ký tên, lăn tay. Ông H đã giao đủ số tiền vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng cho ông T, ngay sau khi ông T ký tên, lăn tay vào Giấy mượn tiền ngày 10/01/2020.

Khi đến hạn trả nợ đối với 02 khoản vay nêu trên, ông T không thanh toán, cứ hẹn lần. Đến ngày 22/6/2020, ông T tiếp tục hỏi vay ông H số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, ông T nói để làm thủ tục giấy tờ nhà, đất ở Cần Giuộc sau đó sẽ bán nhà, đất này trả toàn bộ số tiền nợ cho ông H. Do vậy, ông H đồng ý cho ông T vay tiếp 300.000.000 đồng; Thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày Hợp đồng vay tiền được công chứng; Lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Do ông T đã vay nhiều lần tiền và lần vay này số tiền lớn nên ông H và ông T ra công chứng ký hợp đồng vay tiền số công chứng 00015291, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020, lập tại Văn phòng công chứng Đầm Sen. Ông H đã giao đủ số tiền vay 300.000.000 đồng cho ông T ngay sau khi các bên ký hợp đồng vay, không lập biên nhận.

Sau khi hết thời hạn cho vay, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả cho ông H toàn bộ các khoản tiền vay nêu trên nhưng ông T cứ hẹn lần. Ông H có đến nhà ông T tìm nhưng không gặp. Tính đến nay, ông T còn nợ ông H tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Khi ông H cho ông T vay tiền thì vợ ông T không biết, chỉ có ông T giao dịch với ông H. Do vậy ông H chỉ yêu cầu cá nhân ông T chịu trách nhiệm thanh toán cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên.

Ông H đã ly hôn theo Quyết định số 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá , tỉnh Kiên Giang và kể từ đó cho đến nay, ông H chưa đăng ký kết hôn với ai. Vì vậy toàn bộ số tiền cho ông T vay là tài sản riêng của ông H.

Nay ông H khởi kiện, yêu cầu Tòa án Quận 6 giải quyết như sau:

Buộc ông Đặng Văn T thanh toán cho ông H toàn bộ số tiền nợ theo Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019, Giấy mượn tiền ngày 10/01/2020, Hợp đồng vay tiền số công chứng 00015291, quyển số 6 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020, tổng cộng là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, trả ngay một lần khi án có hiệu lực. Ông H không yêu cầu ông T trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày vi phạm đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn là ông Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Huỳnh Đức H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn T phải thanh toán tiền nợ từ việc vay tiền phát sinh theo Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019, Giấy mượn tiền ngày 10/01/2020, Hợp đồng vay tiền số công chứng 00015291, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020. Như vậy, đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận Y, ông Đặng Văn T có hộ khẩu thường trú tại Quận 6 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T theo địa chỉ được ghi trong giấy mượn tiền, hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Việc ông T thay đổi nơi cư trú không thông báo cho người khởi kiện về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn là ông Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019, thể hiện ông Đặng Văn T có ký vay của ông Huỳnh Đức H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng từ ngày 25/12/2019 đến ngày 25/3/2020.

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 10/01/2020, thể hiện ông Đặng Văn T có ký vay của ông Huỳnh Đức H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay kể từ ngày 10/01/2020 đến ngày 26/6/2020.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng 00015291, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020, thể hiện ông Đặng Văn T có ký vay của ông Huỳnh Đức H số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng; Lãi suất do hai bên thỏa thuận theo quy định pháp luật; Theo trình bày của ông H cả ba lần cho vay tiền các bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 1%/tháng.

Do đó, đủ cơ sở xác định hai bên đã xác lập giao dịch về hợp đồng dân sự vay tài sản có lãi suất, bên cho vay là ông Huỳnh Đức H và bên vay là ông Đặng Văn T, tổng số tiền ông H cho ông T vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của nguyên đơn là ông Huỳnh Đức H, thể hiện ông Đặng Văn T chưa thanh toán cho ông Huỳnh Đức H bất kỳ khoản tiền nợ gốc, lãi của số tiền vay từ khi ông T vay tiền của ông H cho đến nay. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông H yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi phát sinh đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Mặt khác, số tiền tnợ nêu trên đã kéo dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc thu hồi nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn ông Đặng Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Văn T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Đức H số tiền nợ theo Giấy mượn tiền ngày 25/12/2019, Giấy mượn tiền ngày 10/01/2020, Hợp đồng vay tiền số công chứng 00015291, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020 tổng cộng là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu

không có thoả thuận về mặt lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.2. Ông Huỳnh Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Huỳnh Đức H số tiền tạm ứng án phí là 10.860.000đ (Mười triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012532 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Huỳnh Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 ;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Thương